

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG VĂN TRỊ

ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI
VIỆT NAM (THẾ KỶ XV - XVII)

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng, năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HÀ NGỌC HÒA**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN PHONG NAM**

Phản biện 2: **TS. TÔN THẮT DỤNG**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 8 tháng 6 năm 2014

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII là một phần quan trọng trong tổng thể văn học trung đại, một mặt chịu sự chi phối bởi quy luật chung của thời đại và loại hình, mặt khác có những biểu hiện riêng, làm nên sắc điệu độc đáo đáng được quan tâm.

1.2. Địa hạt văn chương vốn huyền ảo muôn màu, hướng chỉ hành trình mỹ cảm của người thưởng thức, tiếp nhận vốn có nhiều lối mở. Cái nhìn bao quát chưa hẳn đã giống nhau mà sự khai thác trong từng phương diện lại càng đa dạng. Đặc biệt, công việc khảo sát, nghiên cứu một cách có chiều sâu và có hệ thống về những đặc điểm của văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII vẫn còn nhiều vấn đề bỏ ngỏ.

1.3. Tìm hiểu đặc điểm văn xuôi trung đại thế kỷ XV - XVII góp phần khẳng định tính khoa học, hiệu quả của một hướng tiếp cận, nghiên cứu; đồng thời giúp đánh giá sâu sắc, toàn diện về bộ phận văn học này; hơn nữa, từ những đặc điểm, quy luật chung có thể soi sáng cho mỗi trường hợp cụ thể.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Những bài viết, công trình nghiên cứu liên quan đến văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thế kỷ XV - XVII

Nhiều công trình nghiên cứu bao quát về văn học trung đại, trong đó văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII như một phần nhỏ trong chỉnh thể thống nhất. Tiêu biểu có *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam* (Lê Trí Viễn), *Con người cá nhân trong văn học Việt Nam từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVIII* (Trần Đình Sử), *Văn xuôi Việt Nam thời trung đại - Những chặng đường lịch sử và xu hướng phát triển* (Nguyễn Đăng Na), *Thi pháp văn học trung đại* (Trần Đình Sử), *Thi pháp truyện ngắn trung đại Việt Nam* (Trần Nho Thìn).

2.2. Những bài viết, công trình về các tác giả, tác phẩm cụ thể

Trong tuyển tập *Lê Thánh Tông - về tác giả và tác phẩm*, Nguyễn Đồng Chi có bài viết "Thánh Tông di thảo", Vũ Thanh khẳng định "Thánh Tông di thảo - bước đột khởi trong tiến trình phát triển của thể loại truyện ngắn Việt Nam trung cổ", Lê Nhật Ký chú ý "yếu tố kỳ ảo".

Trong sách *Truyện ngắn Việt Nam lịch sử - thi pháp - chân dung*, Nguyễn Hữu Sơn có bài "Nam Ông mộng lục", giới thiệu tổng quan về tác giả và tác phẩm. Cũng trên tinh thần ấy, sách có bài "Truyện kỳ mạn lục" của Vũ Thanh.

Đoàn Thị Thu Vân (chủ biên) với *Văn học trung đại (Thế kỷ X - cuối thế kỷ XIX)*, trong đó có phần riêng viết về "Nguyễn Dữ và Truyện kỳ mạn lục" quan tâm nhiều đến các giá trị nội dung - tư tưởng mà sơ lược đối với nghệ thuật.

Các bài tựa, bạt, lời bàn, giới thiệu hoặc các ý kiến, nhận định về *Nam Ông mộng lục* trong sách *Nam ông mộng lục*, về *Truyện kỳ mạn lục* trong sách *Truyện kỳ mạn lục*, về *Thánh Tông di thảo*.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn giới hạn phạm vi tư liệu khảo sát ở ba tác phẩm chính, có giá trị tiêu biểu: *Thánh Tông di thảo* (Lê Thánh Tông), *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Nam Ông mộng lục* (Hồ Nguyên Trừng).

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp tiếp cận theo hướng thi pháp học, phương pháp tiếp cận đối tượng từ góc nhìn văn hóa,...

5. Đóng góp của luận văn

6. Cấu trúc của luận văn

Chương 1. Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thế kỷ XV - XVII - "Dòng riêng giữa nguồn chung".

Chương 2. Đặc điểm văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thế kỷ XV - XVII nhìn từ thế giới hình tượng nhân vật.

Chương 3. Đặc điểm văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thế kỷ XV - XVII nhìn từ phương thức thể hiện.

CHƯƠNG 1

VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM THẾ KỶ XV - XVII "DÒNG RIÊNG GIỮA NGUỒN CHUNG"

1.1. "NGUỒN CHUNG" - KHÁI LƯỢC VỀ VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

1.1.1. Những tư tưởng lớn ảnh hưởng đến văn học

a. Nho giáo: Hạt nhân cơ bản trong học thuyết của Nho gia là những mệnh đề như *thiên mệnh, chính danh, nhân, lễ, nghĩa...* Cùng với quá trình hoàn thiện thể chế phong kiến, Nho giáo dần chiếm vị trí quan trọng. Nhưng những thăng trầm lịch sử cho thấy sự độc tôn của đạo Nho không những không đáp ứng được nhu cầu đời sống tinh thần của xã hội, mà bản thân nó cũng tự bộc lộ những cực đoan, phản động. Và sự cáo chung sẽ là tất yếu, khoa thi Hương cuối cùng (1918) như một hồi chiêng thu quân cho "cuộc rút lui lạng lè" của Nho giáo. Tuy vậy, ảnh hưởng của tư tưởng này trong đời sống xã hội Việt Nam, cho đến nay, vẫn còn rất sâu bền. Nhìn chung, đạo Nho, khi đi vào nước ta, đã được chọn lọc, cải biên cho phù hợp với tính cách dân tộc. Người Việt trọng nhân nghĩa, cần kiệm, hiếu học, thích yên ổn, hòa bình..., đó là những điểm tương đồng với quan điểm đạo đức của Nho giáo.

b. Phật giáo: Học thuyết của nhà Phật có những nội dung quan trọng như *nhân quả, tứ diệu đế, luân hồi, nghiệp báo*... Phật giáo du nhập vào nước ta từ hai hướng: trực tiếp từ Ấn Độ và từ Trung Hoa. "Đến đời Lý - Trần, Phật giáo Việt Nam phát triển tới mức cực thịnh". Ở các triều đại sau, tuy không còn giữ vị trí chính trị, tư tưởng quan trọng như trước nữa, nhưng Phật giáo đã bén rễ bèn chắc vào đời sống tinh thần, tâm linh người Việt. Phật giáo ở ta đã được tiếp biến trong sự dung hòa với các tư tưởng khác của dân tộc, trở thành sản phẩm văn hóa mang bản sắc riêng.

c. Lão giáo (Đạo giáo): Tâm điểm của học thuyết là *Đạo, vô vi, hữu đãi - tề vật, tiêu dao du*... Những nhà Nho tìm thấy ở đó những triết lý thâm viển hoặc tinh thần xuất thế lánh đời; còn tầng lớp bình dân thì tiếp nhận ở phương diện tôn giáo.

Tóm lại, tam giáo cùng với tín ngưỡng dân gian bản địa, quan niệm thẩm mỹ, tính cách người Việt hợp thành nền tảng tư tưởng cho đời sống tinh thần xã hội Việt Nam thời trung đại, trong đó có văn xuôi tự sự.

1.1.2. Những chặng đường sáng tạo

a. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, văn xuôi tự sự chịu ảnh hưởng trực tiếp từ văn học dân gian và sử truyện. Truyện kể dân gian đã để lại những cảm hứng, tư liệu cũng như những kinh nghiệm sáng tác quý báu. Các bậc anh tài đã sưu tầm, ghi chép các truyện dân gian rồi chỉnh lý, sắp xếp, thêm bớt theo ý đồ nghệ thuật của mình để làm nên tác phẩm mới. Tiêu biểu có *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp.

Sử truyện và những ghi chép của chính sử, bao gồm cả lịch sử tôn giáo cũng là nguồn quan trọng cho các sáng tác văn xuôi tự sự. Tiêu biểu có *Ngoại sử ký* của Đỗ Thiện, phần *Ngoại kỷ* trong *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu, *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên, *Thiền uyển*

tập anh ngữ lục (khuyết danh), *Tam Tổ thực lục* (khuyết danh)...

Nhìn chung, các sáng tác trên đều hướng tới chủ đề dân tộc. Yếu tố kỳ ảo, hoang đường cùng những mô típ quái dị được vận dụng phổ biến, như một phương tiện để chuyển tải tư tưởng nghệ thuật. Mặt khác, yếu tố hiện thực, nhất là sự thực lịch sử vẫn được đảm bảo. Do ảnh hưởng trực tiếp từ sử truyện, nên kỹ thuật chép sử biên niên cũng để lại dấu ấn đậm nét trên nhiều thiên truyện. Mặc dù tạo được nhiều giá trị nghệ thuật đáng quý, nhưng vẫn xuôi tự sự chặng đường đầu tiên vẫn "chưa tách khỏi văn học dân gian và văn học chức năng".

b. Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, vai trò sáng tạo của các tác gia văn xuôi tự sự được thể hiện tương đối trọn vẹn. Văn học dân gian hoặc sử liệu chỉ còn là một phần chất liệu, cảm hứng sáng tác. Nhà văn không dừng lại ở việc ghi chép, "gia công" mà thực sự đã "sản xuất" ra "sản phẩm" mới. Một phần, văn xuôi tự sự tiếp nối mạch nguồn chủ đề đất nước - dân tộc; phần quan trọng hơn hướng tới chủ đề thế sự, phản ánh hiện thực cuộc sống và nêu cao cảm hứng nhân văn, "lấy con người là đối tượng và trung tâm phản ánh". Tiêu biểu có *Nam Ông mộng lục* (Hồ Nguyên Trừng), *Thánh Tông di thảo* (Lê Thánh Tông), *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Nam Xương tứ quái truyện* (khuyết danh), *Ngọc Thanh u minh thần lục* (khuyết danh).

Tiếp nối truyền thống về truyện quái dị, u linh, truyện truyền kỳ giai đoạn này sử dụng phổ biến yếu tố kỳ ảo - hoang đường như một phương thức quan trọng để thể hiện tư tưởng nghệ thuật. Tuy vậy, con người vẫn hiện diện với tư cách trung tâm, chói rọi hào quang tư tưởng nghệ thuật. Ấn tượng sâu sắc hơn cả trong các thiên truyện kỳ là cảm hứng ca ngợi phẩm chất đạo đức hiếu trung, nhân nghĩa, tiết tháo và cả sự tài hoa của con người; đặc biệt là cảm hứng về thân

phận con người với những bi kịch thảm thiết, nhất là người phụ nữ. Sự đan xen thơ trong phương thức tự sự cũng là nét độc đáo. Văn xuôi tự sự ở chặng đường thứ hai đã "thoát khỏi mối ràng buộc của văn học dân gian và văn học chức năng...".

c. Từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, truyện truyền kỳ tiếp tục phát triển với những sáng tác tiêu biểu như: *Truyện kỳ tân phá* của Đoàn Thị Điểm, *Tục truyền kỳ* của Đặng Trần Côn, *Lan trì kiến văn lục* của Vũ Trinh... Các tác giả trên đã nỗ lực đổi mới cách viết nhằm đưa nội dung phản ánh của truyện truyền kỳ gần với đời sống hiện thực. Xét về mặt tiến bộ văn học, đây là một bước tiến mới, đưa truyện trung đại gần hơn với văn học đích thực, nhưng về phương diện thể loại, "đó là bước thụt lùi".

Truyện kỳ khép lại một giai đoạn văn xuôi tự sự, nhường chỗ cho ký và tiểu thuyết lịch sử, những thể loại có thể phát huy khả năng phản ánh hiện thực cuộc sống. *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, *Thượng Kinh ký sự* của Lê Hữu Trác, *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ, *Tang thương ngẫu lục* của Tùng Niên, *Tây hành ký lược* của Lý Văn Phức, *Mãn Hiên thuyết loại* của Cao Bá Quát... đã cho thấy diện mạo phong phú của ký đương thời.

Tiểu thuyết để lại số lượng không nhiều như các thể loại khác nhưng cũng đã góp phần hoàn chỉnh hóa bộ mặt văn xuôi tự sự trung đại. Tiêu biểu có: *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm, *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái, *Tây Dương Gia Tô bí lục* của Phạm Ngộ Hiên, Nguyễn Hòa Đường..., *Hoàng Việt long hưng chí* của Ngô Giáp Đậu, *Việt Lam tiểu sử* của Lê Hoan. Nhìn chung, đó đều là những tiểu thuyết viết về đề tài lịch sử, mà cũng chủ yếu là lịch sử đương thời hoặc gần thời với tác giả. Điều đó khiến tác phẩm của họ thấm đẫm hơi thở cuộc sống và đầy ắp chất

liệu hiện thực, nhưng vẫn đàn lại thiếu vắng dòng tiểu thuyết thể sự. Mỗi nhà văn, khi viết, đều xác định cho mình một lập trường tư tưởng chính thống, nhưng sự thực nhân tiên khiến họ vượt qua thiên kiến giai cấp, dòng họ để đứng về phía chính nghĩa, đứng về phía người dân, và nhất là sự thực. Nhiều nhân vật điển hình đã được khắc họa sinh động không chỉ ở khía cạnh anh hùng xuất chúng mà còn ở phương diện con người phàm trần bằng xương bằng thịt. Nghệ thuật kể chuyện có bước tiến bộ rõ rệt. Tuy vậy, những ảnh hưởng của lối chép sử vẫn còn in đậm dấu.

1.2. "DÒNG RIÊNG" - ĐIỆN MẠO VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XVII

1.2.1. Sự đa dạng về đề tài và hình thức thể loại

Đối tượng và phạm vi lĩnh vực đời sống mà văn xuôi tự sự giai đoạn này miêu tả, phản ánh có sự thay đổi và mở rộng, trở nên đa dạng, phong phú hơn trước. Đề tài quốc gia dân tộc tiếp tục phát triển với cách tiếp cận mới. Đề tài ca ngợi đạo đức, đạo lý theo lý tưởng thời đại cũng được quan tâm. Viết về các tăng ni, đạo sĩ nhưng không nhằm vào mục đích tuyên truyền tôn giáo như thời kỳ trước, vì vậy sự phân hóa cũng khá phức tạp. Tình yêu nam nữ, một phương diện nhân văn của con người thế tục, cũng được các tác giả đề cập. Cảm hứng thể sự, phản ánh hiện thực, phơi bày những mặt xấu là đề tài mới, được Nguyễn Dữ khai thác tinh tế, nhưng đặc sắc hơn cả là mảng đề tài về thân phận con người, nhất là người phụ nữ.

Sự "hỗn dung" thể loại trong văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII cũng là một đặc trưng độc đáo. Trước hết, đó là sự không "thuần nhất" về mặt thể loại giữa các "thiên" trong từng tập sách. Tình trạng "hỗn dung" hình thức thể loại còn thể hiện ngay cả trong mỗi thiên. Ở đó vừa có văn xuôi vừa có văn vần; vừa có tự sự vừa có chính

luận. Trong tác phẩm văn chương có bút pháp chép sử, phê bình thơ văn, bình luận việc đời... Tinh thần "ký sự", "thực lục" cũng thể hiện rõ nét... Theo chúng tôi, sự thiếu ý thức phân biệt về mặt thể loại, tiểu loại (trừ thơ và văn xuôi); về văn học và phi văn học là tình trạng chung thời ấy của cả giới nghiên cứu lẫn người sáng tác, đây là nguyên nhân chính làm nảy sinh hiện tượng trên.

1.2.2. Sự kế thừa truyền thống văn học dân gian và bác học

Trước hết là sự kế thừa, học tập từ những mô típ và "kỹ thuật" tự sự của truyện kể dân gian. Tuy típ truyện lấy từ dân gian nhưng sự sáng tạo, biến hóa ở truyện của các tác giả hết sức linh hoạt, mà ý nghĩa xã hội, giá trị thẩm mỹ cũng khác hẳn. Về "kỹ thuật" tự sự, "Đối thoại tranh luận là một hình thức truyện cực kỳ phổ biến của văn học trung đại, có cội nguồn trong biểu diễn nghi lễ dân gian". Ngoài sự tranh luận mang màu sắc chính luận về các vấn đề chính trị, đạo đức mà chỉ đạo là những tư tưởng chính thống đương thời, còn có những cuộc "cãi vã" rất đời thường, mang đậm tính chất dân gian. Thậm chí có những phát ngôn trên lập trường "phi chính thống". Yếu tố kỳ ảo, hoang đường được vận dụng với tần số hợp lý.

Nguồn bác học được tiếp thu rộng rãi cả trong và ngoài nước, đặc biệt là từ Trung Hoa. Đó là sự kế thừa truyền thống làm sử, nhất là sử truyện. Nhân vật lịch sử, "kỹ thuật" "lập hồ sơ nhân vật", trình tự thời gian tuyến tính, sự kiện được thuật kể theo lối biên niên, tinh thần "thực lục"... Tuy nhiên, cần thấy rằng, văn xuôi tự sự thời kỳ này đã thoát khỏi "những ảnh hưởng thụ động của văn xuôi lịch sử". Cốt truyện của tự sự giai đoạn này thường đơn giản, ngắn gọn, "trọng việc hơn là chú trọng vào người, lấy việc mà biểu hiện người, răn người". Điều đó có lẽ xuất phát mục đích giáo huấn. Kiểu bố cục phần đầu giới thiệu lai lịch, phẩm hạnh nhân vật, phần chính kể

chuyện "kỳ ngộ lạ lùng" của truyền kỳ đời Đường, Tống đã để lại dấu vết đậm nét trong các truyện của Nguyễn Dữ, Lê Thánh Tông. Ngay cả sự dung chứa nhiều thể loại cũng bắt nguồn từ truyền thống truyền kỳ Trung Quốc. Tuy nhiên "ở đây chủ yếu là vay mượn mô típ rồi biến đổi đi, nhưng cấp cho nội dung mới, Việt Nam hóa câu chuyện". Hiện tượng tiếp thu, vay mượn ấy là đặc trưng của văn học trung đại trên thế giới, nó chứng tỏ quy luật sáng tạo nghệ thuật của một thời đại chứ không hề làm giảm giá trị tác phẩm ra đời sau. Sử dụng nguồn văn liệu bác học, nhất là điển cố, điển tích có xuất xứ từ Trung Quốc cũng là điểm nổi bật.

Thế kỷ XV - XVII nằm ở khoảng giữa dòng chảy chung của tự sự trung đại, đã gánh vác sứ mệnh tiếp nối và tạo đà một cách xuất sắc, đồng thời cũng để lại dấu ấn chói lọi trên sắc phục riêng của thời đại mình.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM THẾ KỶ XV - XVII NHÌN TỪ THẾ GIỚI HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT

2.1. HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT GẮN VỚI CHỦ ĐỀ NGỌI CA ĐẠO LÝ

2.1.1. Con người hành đạo với lý tưởng trung hiếu

Xã hội phong kiến coi vua là thiên tử, thụ mệnh trời chấn dất bá tánh. Đấng minh quân thánh chúa phải tài đức vẹn toàn để trăm họ làm gương, nơi nơi quy thuận. *Nam Ông mộng lục* có nhiều truyện biểu dương nhân đức của một số vị vua đời nhà Trần. *Thánh Tông di thảo* có hình ảnh nhà vua Lê Thánh Tông biết xét đoán việc đời, có trách nhiệm đối với dân chúng và xã tắc. *Truyện kỳ mạn lục* có những ông vua anh minh ở thế giới khác.

Tự sự trung đại thế kỷ XV - XVII có những nhân vật hiền thần lấy nguyên mẫu từ lịch sử và cả hư cấu. Họ là những vị tướng từng có công giết giặc, một lòng trung quân báo quốc như Phạm Ngũ Lão, Ngô Miễn, cháu trai Long thần; những văn thần đức độ như Dương Đức Công, Tư Lập. Nhưng lịch sử thăng trầm, có minh quân thì hiền thần được trọng dụng; gặp bạo chúa thì hết chỗ dung thân, có điều trước sau họ vẫn giữ trọn một tấm lòng trung hiếu. Tiêu biểu như các nhân vật Chu Văn An, Trần Nguyên Đán, Phạm Mại.

2.1.2. Con người kiên trinh với tấm lòng thủy chung, son sắt

Sự phản ánh hình tượng con người kẻ sĩ trong văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII rất đa dạng. Phạm Tử Hư, Nguyễn Tử Khanh là những tấm gương sáng về lòng hiếu đễ. Tử Văn khảng khái can trường nhờ vào sức mạnh của chính khí. Dĩ Thành hiếu rõ đạo quý thần, có kỷ cương với kẻ dưới, chân tình với bằng hữu. Nhà nho già trong *Hai gái Thần* "tài cao học rộng", biết xuất xử theo thời, làm con chí hiếu, có "chính khí". Nhiều nhân vật kẻ sĩ có tâm, có tình. Ca ngợi kẻ sĩ hữu tình, thiện tâm, các tác giả không chỉ biểu dương đạo đức nhà Nho mà còn gắn với những phẩm chất nhân văn của con người Việt Nam truyền thống.

Nho giáo cho rằng tiết hạnh của người phụ nữ đại khái có *tam tông, tứ đức*. Chức năng phận vị của họ chủ yếu là đối với cha mẹ, chồng con; còn đối với bản thân thì giữ gìn phẩm tiết. Có những tấm gương hiếu đạo như Công chúa Thiệu Dương, vợ Thúc Ngự, người con gái trong *Chồng dê*; có những người dùng cái chết để tỏ rõ tấm lòng kiên trinh: vợ Ngô Miễn, Lê Nương, Từ Nhị Khanh, Vũ Thị Thiết. Hi sinh, chịu đựng là phẩm chất truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Tất cả mọi nỗi đau hay niềm hạnh phúc, sự vinh - nhục trong đời họ đều ký thác nơi mẹ cha, chồng con và gia đình nhà

chồng. Trong phong ba bão táp, hoạn nạn thử thách, người phụ nữ càng chứng tỏ tấm lòng trinh liệt, can trường đáng quý.

2.1.3. Con người chân tu, nhân vật với ước vọng ngoài vòng cương tỏa

Tuy Nho giáo chiếm địa vị độc tôn nhưng vẫn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII còn đề cao Phật, Lão với các tăng nhân, đạo sĩ tinh tu khổ hạnh, đắc đạo và có những năng lực siêu phàm. Sự thần thông pháp thuật của họ đồng nghĩa với sự tu luyện cao thâm. Trong *Truyện kỳ mạn lục* tăng nhân, đạo sĩ pháp thuật còn là biểu tượng của sức mạnh "khuôn phép", dùng để "cưỡng chế" những kẻ mà theo họ là đã làm cho "dân phong đổi tộ".

Khổng Tử chủ trương: *đời có đạo thì ra làm mọi việc, đời không có đạo thì ẩn mà sửa mình*; Mạnh Tử cũng cho rằng: "Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ". Kẻ sĩ không ra làm quan bởi không gặp thời chứ không phải lòng ngụy lạnh với đời. Cuộc đối đáp với quan hầu họ Trương cho thấy tiều phu ở núi Na rất am hiểu thế sự. Tú tài họ Viên và xử sĩ họ Hồ tuy từ chối lời mời ra giúp triều đình của Quý Ly, nhưng đã đem lời chính trực chí tình can ngăn việc vua Trần. *Thánh Tông di thảo* tuy đề cao Nho giáo, nhưng một số truyện vẫn thấp thoáng hình ảnh nhân vật thần tiên của Đạo gia. Tóm lại, các nhân vật tăng - đạo đức cao vọng trọng gắn với những năng lực siêu phàm là những hình mẫu đẹp, thể hiện thái độ "coi trọng cả Phật giáo và Đạo giáo"; mặt khác, còn là "cái có để để bộc lộ một khía cạnh chiều sâu tâm linh, đạo lý nào đó".

2.2. HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT GẮN VỚI CHỦ ĐỀ PHÊ PHÁN, ĐẢ KÍCH

2.2.1. Con người phi nghĩa, tham tàn bạo ngược

Đó trước hết là những kẻ đại diện tối cao trong bộ máy chính

quyền phong kiến: những hôn quân bạo chúa. Hồ Nguyên Trừng tuy chủ trương làm sách để nói "việc thiện" mà trong truyện vẫn thấp thoáng hình ảnh bá vương vô năng vô đức như Dụ vương, Hôn Đức, con Cung Túc. Những câu chuyện về chính trị, về thời thế vẫn bàng bạc trong *Truyện kỳ mạn lục*. Vị vua "tiếm quyền" nhà Hồ và các vua cuối đời Trần trở thành câu chuyện "thời sự" để tác giả luận đàm.

Đó còn là bọn quan lại cậy thế cậy quyền làm nhiều điều thất đức. Điển hình Lý Hữu Chi, Quan Trụ quốc họ Thân và hàng loạt những tên quan tham lại những, kém đức thiếu tài, làm trái phép nước khác được Nguyễn Dữ "cáo trạng" qua tác phẩm của mình.

Khuyh hướng phê phán còn hướng tới nhiều bọn người xấu xa khác, như bọn xâm lược gây chiến tranh gieo họa cho dân chúng; bọn Nho sinh mất tư cách; những hạng người bạc ác, xấu bụng như vợ Nhược Chân, bà thím Chu Sinh... Độc đáo có hình tượng người đàn bà trong *Người hành khất giàu* vì nghèo khổ mà quý trọng tiền tài, đến mức bất chấp tự trọng.

2.2.2. Con người tà ma, hưng yêu tác quái

Đó là những con vật thành tinh, những ác thần ý thể làm điều càn rỡ. Bọn chúng được miêu tả trong một số truyện thực chất là những kẻ lòng lang dạ sói đội lốt hại người. Ngoài ra còn có bọn thần phật rởm, được nhân dân thờ cúng, bái vọng nhưng hành vi không khác gì phường thảo khấu, ngôn hành đáng khinh.

Theo tín ngưỡng dân gian, những linh hồn thác oan, không được siêu thoát thường biến thành ma quỷ hại người. Khi sống họ chịu nhiều ám ức nên lúc chết muốn báo thù đời: Hàn Than - Vô Kỹ, Thị Nghi, Nhị Khanh - Trung Ngô,... Tất cả bọn họ đều có số phận đáng thương nhưng vì không người bệnh vực, chở che nên tự lấy việc tác quái nhân gian để bù trừ công đạo. Bởi vậy, tuy đối tượng miêu tả là

oan hồn yêu ma âm giới nhưng nội dung lại có ý phản ánh thực trạng về những oan khiên ở cõi dương gian. Những hình tượng ấy bề ngoài có vẻ "phản diện" nhưng thực chất là nhân vật có số phận bi kịch.

Chôn Diêm La cũng giống nơi trần thế, vương pháp không nghiêm, bề tôi ắt làm càn. Hồn ma viên Bách hộ họ Thôi, sống là tên tướng cầm quân đánh cướp nước người; chết dùng thủ đoạn gian manh tranh đoạt miếu đền kẻ khác.

Thế kỷ XV - XVII, dấu sao vẫn còn là thời thịnh thế của chế độ phong kiến và tư tưởng Nho giáo. Sự phê phán của các tác giả đối với mỗi đối tượng nêu trên chủ yếu dựa trên chuẩn mực đạo đức thánh hiền. Chung quy, mục tiêu cảnh tỉnh, giáo huấn để khuyến thiện, phục thiện và ước mơ về sự yên ổn thái bình, công đạo được khuếch dương vẫn là điểm nhất quán.

2.3. HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT GẮN VỚI CHỦ ĐỀ THẾ SỰ - ĐỜI TU

2.3.1. Con người bị kịch trong tình yêu, hạnh phúc gia đình

Luân lý Nho giáo không thừa nhận tình yêu đôi lứa. Văn chương bác học từ thế kỷ XVII trở về trước rất hiếm khi công khai đồng tình với những cuộc tình duyên ngoài khuôn phép, nói gì đến ngợi ca. Vì vậy, các tác giả thường mượn yếu tố kỳ ảo và kết cục bi kịch cùng với lời bàn có tính chất đả kích để làm bình phong che dấu tư tưởng của mình. Tiêu biểu là chuyện tình giữa cô gái với chàng trai đội lột dê, Trung Ngộ với Nhị Khanh, Hà Nhân với Nhu Nương, Hồng Nương, Hàn Than với Vô Kỳ, Phật Sinh với Lệ Nương, Nhuận Chi với Túy Tiêu. Bi kịch trong tình yêu qua các câu chuyện nêu trên bày tỏ khát vọng nhân bản chính đáng của những con người bị lễ giáo kiềm tỏa quá đỗi khắc khe. Có điều, họ và cả tác giả của họ, không thể vượt qua những định kiến cố hữu.

Bi kịch trong hạnh phúc gia đình thường xảy ra với người phụ nữ. Họ là những người nét na, đức hạnh, không làm gì lỗi đạo cương thường mà vẫn chịu nhiều đắng cay tủi nhục. Vũ Thị Thiết, Từ Nghi Khanh nhu mì, hiếu thảo, thủy chung phải chịu thác oan. Cái chết oan uổng của họ có nguyên nhân trực tiếp từ sự vô tâm và gia trưởng của những đấng phu quân như Trương Sinh, Trọng Quý, nhưng sâu xa hơn có lẽ là sự bất bình thường của một kiểu quan hệ thiếu bình đẳng trong gia đình. Thị Nghi có cuộc đời éo le, bi kịch nối tiếp bi kịch. Ngọa Vân rơi vào tình thế hiếu tình khó vẹn. Số phận con người nhiều khi nhỏ bé, chông chênh, một thoáng tai mây vạ gió là có thể xóa sạch tất cả. Quan hệ giữa người - vật, người - ma, người - tiên đều giống nhau ở chỗ khác loài, khác cõi, nếu không trái đạo cũng là chuyện hư huyền nên cùng chịu kết cục bi thảm. Phải chăng đó còn là hiện hình của những quan hệ phi chính thống theo lễ giáo phong kiến nên khó được công khai chấp nhận?

2.3.2. Con người bi kịch trong nỗi niềm thế sự - nhân sinh

Thế sự biến thiên, xoay vần; trò đời biến ảo mà con tạo thì luôn vô tâm với nhân sinh. Theo đó, con người luôn tiềm ẩn những mầm mống bi kịch mà họ khó lòng lường trước. Có nỗi đau thương chết chóc như vợ chồng Ngô Miễn do chiến tranh gây ra. Lại có những danh thần trung trực, khí khái, như Trần Nguyên Đán, Chu Văn An gặp phải hôn quân. Số phận những bậc anh tài cũng không hơn gì con dân bé mọn, đều "thân bất do kỷ", luôn phải phụ thuộc vào một thế lực nào đó. Nhà nho già trong truyện *Hai gái thân* sinh "bất phùng thời", Tử Hư đổ muộn do "kiêu căng", ngông ngạo. Thánh Tông lúc còn là Thái tử từng có ý định muốn học phép tiên nhưng rốt cục ngài không thể có được "thuật lên trời" để tiêu diêu tự tại. Từ Thức cuối cùng là người cô độc, bị chẹt giữa hai ngã đường tiên tục.

Cõi phàm khó ở mà thượng giới đâu phải chỗ có thể thỏa mãn mọi ước vọng con người. Về đâu giữa thiên địa vô cùng, làm sao để hạnh phúc thực sự tròn đầy cho mỗi phận người bé nhỏ, đó có lẽ là những trăn trở suy tư mà các tác giả muốn sẻ chia cùng người đọc.

Nhân thế rộng mà rất hẹp. Rộng để thấy sự nhỏ bé mong manh của phận người, hẹp vì không dung chứa nổi những khát khao chính đáng cho từng cá nhân. Tự sự thế kỷ XV - XVII tuy chưa nói hết bi kịch của "thập loại chúng sinh" nhưng cũng đã phác họa những đau khổ có tính chất phổ biến của kiếp người trong nhiều mối quan hệ, chung quy đều gói gọn trong cõi nhân sinh vô thường, đầy bất trắc. Cảm hứng nhân văn, nhân đạo sâu sắc có lẽ kết tụ đầy đủ nhất ở mảng chủ đề thế sự - đời tư, qua thế giới nhân vật có số phận bi kịch.

Dưới cái nhìn chịu sự chi phối của thế giới quan và nhân sinh quan Nho - Phật - Lão cùng tín ngưỡng người Việt, văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII đã phần nào khái quát được bức tranh đời sống xã hội cũng như bộc lộ tư tưởng, tình cảm của các tác giả. Hai thế kỷ, một chặng đường, con người bước vào trang văn từ chỗ mang hình hài đáng dấp và cả khối óc, con tim của kiểu mẫu đã định sẵn để làm gương giáo huấn đến con người bằng xương bằng thịt với những hi - nộ - ái - ố rất đời thường.

CHƯƠNG 3

ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM THẾ KỶ XV - XVII NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN

3.1. NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỆU

3.1.1. Ngôn ngữ

a. Nghệ thuật sử dụng điển cố

Điển cố gợi nhắc một chi tiết, con người nào đó trong các văn bản quá khứ, nhưng chi tiết ấy có sức biểu đạt rộng lớn cho nội dung

mà tác giả cần trình bày trong sáng tác của mình. Vì thế, điển cố tạo nên tính hàm súc và ý nghĩa khái quát trong văn chương. Điển cố còn tham gia đắc lực cho mục đích "giáo huấn" và khả năng biện luận. Nó như những luận cứ tin cậy cho các lập luận, nhất là những điển cố nguồn gốc từ kinh truyện thánh hiền. Điển cố có khi dùng để chuyển tải một nội dung bi thương, xúc động nên có tác dụng biểu cảm nhất định. Điển cố còn có tác dụng tránh cho đối tượng điều khó nói bằng cách trực tiếp hoặc chuyển tải một nội dung tế nhị, bóng gió. Khi cần thiết "giểu nhại" để phê phán, đả kích một đối tượng nào đó, điển cố cũng thể hiện được vai trò đắc lực. Đôi khi điển cố được dùng để thể hiện sự yêu thích, am hiểu văn chương của tác giả.

b. Nghệ thuật sử dụng thơ trong truyện

Sự đan xen, kết hợp thơ ca trong văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII là tình trạng phổ biến. Những bài thơ, ca, vãn vãn ít nhiều có liên quan cốt truyện bởi lẽ từ đó mà diễn biến câu chuyện tiếp tục phát triển hay chuyển hướng. Phần lớn thơ ca trong truyện mang ý nghĩa thù tạc, bộc lộ tư tưởng, tình cảm, đời sống tâm hồn nhân vật. Đặc biệt, *Truyện kỳ mạn lục* có những truyện viết về tình duyên ái nam nữ, đối với sự hoan lạc, âu yếm, tác giả thường để nhân vật làm thơ tả vịnh. Nhìn chung bộ phận thơ ca thù tạc, tỏ chí, tỏ tình có nội dung vô cùng phong phú, tùy thuộc tâm trạng, hoàn cảnh, lối sống của mỗi nhân vật. Nhờ đó mà truyện có thêm chất trữ tình sâu lắng, gieo vào lòng người đọc những ấn tượng khó quên. Thơ ca có khi đóng vai trò "trữ tình ngoại đề" để khen chê, phẩm bình nhân vật hoặc sự việc. Trong truyện của Thánh Tông chúng thường được đặt sau cụm từ "Thật là/ Thực là", vừa có tác dụng bình tán vừa giới thiệu trước sự việc, có khi nhằm mục đích tổng kết, bổ sung thông tin. Một bộ phận khác có tính chất "thi thoại", giới thiệu những bài

thơ hay của tiền nhân, trong đó nêu rõ xuất xứ, chủ đề và cuối cùng có lời bình ngắn. Thơ ca trong các truyện ấy trở thành đối tượng, đề tài và mục đích chính của tác giả.

3.1.2. Giọng điệu

a. Giọng khẳng định, ngợi ca

Trước hết cần thấy thái độ khẳng định, ca ngợi qua giọng kể của tác giả - người kể chuyện. *Nam Ông mộng lục* có những lời nhận xét, bình tán ngắn gọn đặt ở cuối truyện thể hiện rõ ràng tình cảm của người kể. Trong *Thánh Tông di thảo*, thái độ đánh giá trực tiếp của tác giả ngoài thơ ca, còn thể hiện qua giọng văn miêu tả, nhận xét. Nguyễn Dữ thường thể hiện thái độ ngợi khen trực tiếp qua lời giới thiệu nhân vật ở đầu truyện nhưng cũng có khi lời bình đặt ở cuối truyện, hoặc xen lẫn trong quá trình miêu tả, kể chuyện. Có khi thái độ nhà văn được bộc lộ gián tiếp qua giọng điệu khẳng khái của nhân vật. Giọng khẳng khái của các nhân vật chính diện có thể hiểu là sự "kỳ gở" thái độ của các tác giả trước những vấn đề cuộc sống.

Nhìn chung, thái độ khen ngợi, biểu dương của các tác giả qua mỗi đối tượng khá đa dạng. Nam Ông thiên về chức năng phận vị của mỗi người để "tuyên truyền" sự "chính danh" trong hành xử. Thánh Tông và Nguyễn Dữ đều đề cao con người, nhất là vẻ đẹp ý chí và đạo đức, nhưng Nguyễn Dữ thường đặt ra những tình huống bi kịch để khẳng định các giá trị đích thực ở nhân vật. Tuy vậy, điểm chung nổi bật trong nhãn quan nghệ thuật của các nhà văn là hướng sự ưu ái đến những con người đức độ, nghĩa tình. Bên cạnh lập trường tư tưởng Nho giáo, quan điểm nhân văn yêu thương con người chi phối toàn bộ giọng điệu trong lời văn của các tác phẩm.

b. Giọng phê phán, mỉa mai

Giọng văn phê phán mỉa mai đã góp phần phơi bày những cái

xấu, cái ác, cái đáng chê trách trong xã hội. Hồ Nguyên Trừng không chút nể nang khi nói về sự bất tài vô dụng của vị vương tử họ Trần. Nguyễn Dữ tỏ ra bất mãn trước sự tha hóa trầm trọng về nhân cách của Trọng Quý. Còn đối với bọn thần phật "rởm", ngòi bút của ông vừa giận dữ bất bình, vừa đùa cợt, khinh bi. Thánh Tông thì thâm thúy, chua cay nhưng ra vẻ lạnh lùng khi viết về "người hành khát giàu". Trong nhiều trường hợp, các tác giả để cho nhân vật này nói về nhân vật kia. Điều đó tạo nên sự sinh động, khách quan trong cách thể hiện quan điểm người viết cũng như giọng điệu của lời văn. Nhiều khi tác giả để cho nhân vật tự bộc lộ bản chất đáng chê cười của bản thân hoặc sự việc được đề cập.

c. Giọng ưu tư, trăn trở

Ưu tư, trăn trở là thái độ đầy trách nhiệm của nhà văn trước hiện thực cuộc sống, nhiều khi thấm thấu cả trong từng lời văn của người cầm bút, tạo nên một giọng điệu trĩu tình sâu lắng. Sự day dứt của Nghệ vương vì hành động bất đắc dĩ (phế bỏ con Cung Túc) biểu hiện phẩm chất cao thượng của nhân vật, cũng là cách tác giả đối thoại với quan điểm chính thống cứng nhắc đối với ngôi chí tôn. Thánh Tông trăn trở về trách nhiệm đối với thần dân khi không xét được vụ tình chuột. Còn truyện *Người hành khát giàu* kết thúc để lại âm hưởng ngậm ngùi, cay đắng. Nguyễn Dữ tỏ ra hoài nghi về những chân lý, nguyên tắc giáo điều. Ở phương diện khác, khi chạm vào cuộc sống đời thường của những cá nhân nhỏ bé, nỗi ưu tư trăn trở của ông trào dâng thành một nguồn cảm hứng nhân văn dào dạt.

Tóm lại, Nam Ông dùng gương sáng để hướng thiện nên giọng chính là ngợi ca, khẳng định. Thánh Tông có phê phán, mỉa mai cũng chỉ răn đời, muốn con người sống tốt hơn, nên trong giọng văn thường pha chút hài hước, dí dỏm. Nguyễn Dữ chạm vào nỗi đau và

bi kịch con người để phần nào phơi bày bức tranh hiện thực xã hội và tố cáo sự nhũng nhẽ của bọn quyền thần, song thâm tâm vẫn vững tin vào người tốt và điều thiện. Chung cùng, trong giọng văn của họ đều chan chứa nhiệt huyết với đời và dạt dào tình yêu thương con người.

3.2. KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN NGHỆ THUẬT

3.2.1. Không gian và thời gian thể tục

a. Không gian và thời gian lịch sử

Xã hội phong kiến gắn với lịch sử các triều đại. Nước là của vua, niên biểu cũng tính theo niên hiệu của vua. Các hoạt động, ngôn hành, đức hạnh của vua chúa, quan lại, sĩ phu,... trong phạm vi hành chính đều gắn với không gian và thời gian lịch sử xã hội. *Nam Ông mộng lục* có một bộ phận viết về con người, sự việc của quá khứ, thường là ở hai triều Lý, Trần. Lùi về lịch sử, kể về người thực, việc thực, tác giả muốn biểu dương những tấm gương sáng nhằm "khuyến thiện" cho các thế hệ hậu sinh, nhất là giới cầm quyền. *Thánh Tông di thảo* có phạm vi không - thời gian lịch sử chính trị - xã hội phong phú hơn. Đó là những không - thời gian *công vụ* do chính tác giả - nhà vua hoặc thái tử - là người thực thi; không - thời gian *hoạn lộ*, tức con đường khoa cử và công danh của kẻ sĩ; không - thời gian *chiến trận* với những phương án bày binh bố trận, hiệu lệnh trong quân, xếp đặt sau cuộc chiến.... Nhìn chung, đó là bối cảnh không - thời gian "bản triều" với mục đích ca ngợi nền thái bình thịnh vượng dưới triều Lê. Nguyễn Dữ chủ yếu lấy bối cảnh cuối đời Trần và thời nhà Hồ. Chọn bối cảnh mục nát ở những đời vua cuối của họ Trần và sự "tiếm quyền" khiến phần lớn sĩ phu bất mãn của họ Hồ, Nguyễn Dữ không những bày tỏ quan điểm đối với lịch sử mà còn phơi bày thực trạng suy thoái của bộ máy cai trị thời Lê - Mạc. Ông còn mở rộng "địa giới" sang Trung Quốc, qua đó phơi bày những thủ đoạn

chính trị gian xảo của bọn vua chúa.

b. Không gian và thời gian sinh hoạt đời thường

Chế độ gia trưởng phong kiến quan tâm nhiều hơn đến gia đình, xem đó là mô hình thu nhỏ của một thể chế. Vì vậy Nam Ông thường gắn không gian sinh hoạt chính trị của họ Trần với quan hệ đồng tộc. Lê Thánh Tông và Nguyễn Dữ đề cao hiếu đễ, tiết hạnh như những nền tảng của đạo đức xã hội. Tuy nhiên, phần đặc sắc hơn là những truyện khai thác bi kịch cá nhân nảy sinh từ đời sống gia đình do nhiều nguyên do khác nhau. Nguyễn Dữ gắn bi kịch cá nhân trong gia đình với trách nhiệm xã hội. Không - thời gian *thế sự* bao quát nhiều mối quan hệ giữa người với người trong đời sống xã hội. Ở đó có thể có những nghĩa cử tốt đẹp đối với bạn bè, với ân nhân, thầy thuốc đối với người bệnh, đầy tớ đối với chủ,... nhưng nổi bật là sự trá trá trở, lạnh lùng của nhân tâm. Không - thời gian *tình yêu đôi lứa* với những ân ái lãng mạn và chia li bịn rịn, đau khổ là nét độc đáo, thể hiện tinh thần nhân văn mới. Không - thời gian *án phạt* gắn với đời sống thanh nhân tự tại của những bậc lánh đời. Không - thời gian *thờ tự, tu hành* gắn với tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống tâm linh người Việt. Có một số truyện kể hành trạng của các bậc chân tu, nhưng có khi chùa chiền được miêu tả dưới cái nhìn trào lộng, cũng có khi đó là nơi gặp gỡ, yêu đương rồi dẫn đến kết cục chết chóc tang thương. Không - thời gian *thờ tự* còn là những đền, miếu hoặc tục thờ cúng thánh thần của tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo. Không - thời gian *sinh hoạt văn chương* với những cuộc đàm đạo thơ văn; giới thiệu những tứ thơ, ý thơ hay của tiền nhân; những cuộc thù tạc.

3.2.2. Không gian và thời gian kỳ ảo

Văn xuôi tự sự trung đại thế kỷ XV - XVII có những thể giới kỳ ảo hấp dẫn - sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú - và đến lượt

mình, yếu tố kỳ ảo trở thành phương tiện đắc lực để chuyển tải ý đồ nghệ thuật các nhà văn. Sự tưởng tượng ấy rõ ràng dựa trên cơ sở của tín ngưỡng cộng đồng và đậm màu sắc tôn giáo. Ở đó, ngoài những quan niệm thú vị về không - thời gian, còn có sự tham gia của các phép lạ hoang đường.

Thế giới địa phủ, thiên tào, thủy cung có nhiều thứ khác với trần gian. Diêm la là cõi của người chết và những hình phạt kinh người dành cho kẻ từng làm nhiều chuyện ác nên khung cảnh đậm mùi tử khí. Nhưng cõi ấy đồng thời là nơi thi hành công đạo, thực hiện nguyên lý báo ứng mà trần gian nhiều khi còn sơ sót. Diêm vương thưởng phạt công minh, thấu suốt mọi điều. Thủy cung và tiên giới trong tưởng tượng là những nơi giàu sang, lộng lẫy bậc nhất. Ngọc Hoàng - Thượng đế quyền uy bao trùm các cõi, quyết định đường họa phúc của mọi người, nhưng cũng có khi chẳng khác người thường bao nhiêu. Nhìn chung, chúng không chỉ là thế giới huyền hoặc nhằm thỏa mãn trí tưởng tượng mà còn là phương thức thể hiện quan điểm nghệ thuật về chính trị, xã hội của các nhà văn.

Không - thời gian kỳ ảo biểu hiện sự gắn kết, tương thông tương giao giữa trần gian, với các cõi địa phủ, thủy phủ, thiên đình hoặc thế giới của muôn vật, tức giữa người với tinh vật, ma, tiên, thần, phật trong tín ngưỡng người Việt. Cho nên người trần có thể lên trời, xuống nước, qua địa phủ rồi trở về như trải qua một giấc mộng hoặc một chuyến "thám hiểm" kỳ thú. Thậm chí đang ở cõi trần cũng có thể gặp người đã chết giờ biến thành ma hoặc tiên, có thể trông thấy thánh thần hiển linh hoặc tác quái. Do đó, cảm giác ranh giới không - thời gian bị xóa nhòa. Có điều, trong ý niệm các nhà văn, giữa các giới luôn có dấu hiệu phân biệt nhất định. Thần tiên kết tinh dương khí nên hào quang chói lọi, là mục tiêu mơ ước của con người ở kiếp

sau; ma quái hấp thụ khí âm, hành vi bất chính, thường làm chuyện hại người, khiến ai cũng phải sợ và né tránh. Quan niệm thiện ác, chính tà phần nào được thể hiện trong cách miêu tả đó.

Không - thời gian kỳ ảo gắn với sự biến huyền hoang đường của các thể lực siêu nhiên hay năng lực phi phạm của những người đắc đạo. Thậm chí, thế giới thần, ma có thể xâm nhập vào giấc mộng của con người để báo trước điềm hay dở, dọa nạt, hèn hò, ân ái... Đó đều là những hư cấu, tưởng tượng nhưng các nhà văn vẫn muốn tạo cảm giác "có thật" nên thường đưa ra những "bằng chứng" hữu hình.

KẾT LUẬN

I. Ra đời trên nền tảng của một nền tự sự dân gian và sử truyện đã có những thành tựu phong phú, tiếp nối chặng đường của truyện "linh dị", "chí quái" thế kỷ XIV, cùng sự ảnh hưởng của truyền kỳ Trung Hoa, thế kỷ XV - XVII với những tác giả chính như Hồ Nguyên Trừng, Lê Thánh Tông, Nguyễn Dữ đã tạo dựng một diện mạo mới tương đối hoàn chỉnh cho văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam. Thoát ly hẳn kỹ thuật kể chuyện dân gian, lối chép sử, chức năng hành chính, tôn giáo, các tác giả đã đưa văn xuôi tự sự đến với bầu trời văn chương nghệ thuật đích thực, đồng thời tạo đà cho những bước phát triển tiếp theo của nền tự sự nước nhà. Trong suốt dòng chảy lịch sử của loại hình, văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thế kỷ XV - XVII để lại tên mình như một viên ngọc lưu ly tỏa rạng giá trị đến tận mai sau.

Xã hội phong kiến thế kỷ XV - XVII đi từ thịnh thế đến suy thoái, nhưng trong lý tưởng các nhà văn đương thời vẫn trung thành với chế độ quân chủ. Thế sự có lúc đảo điên thị phi lẫn lộn, con người lắm khi rơi vào bất hạnh bởi cái ác, cái xấu, nhưng "gạn đục

khơi trong", "khuyến thiện trừ ác", phê phán để cho xã hội tốt hơn mới là tôn chỉ nhất quán của những người cầm bút. Tuy vậy, phần lắng đọng sâu xa nhất trong lòng người đọc bao thế hệ có lẽ là những giá trị nhân văn cất lên từ cảm hứng về thân phận con người trước vô vàn bất trắc của cuộc đời. Tam giáo đều có sự ảnh hưởng nhất định, nhưng đạo Nho luôn chiếm địa vị nổi trội trong cái nhìn con người và cuộc sống, cũng như cách xử lý thế giới hình tượng nghệ thuật ở các tác phẩm. Tôn giáo và tín ngưỡng dân gian chi phối sự tưởng tượng, hư cấu ra thế thời kỳ ảo, hoang đường, nhưng hiện thực đời sống trần thế mới là mục tiêu cuối cùng trong từng câu chuyện. Tiên phật, thánh thần có năng lực siêu phàm, quyết định sinh tử, họa phúc, nhưng con người với sức mạnh và những giá trị nhân văn được đề cao, luôn giữ vị trí trung tâm trong thế giới nhân vật. Về phương diện này, văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII đã chạm đến giá trị đích thực của văn chương chân chính.

Mỗi thời đại, loại hình văn học có phương thức biểu hiện riêng. Điển cố là nguồn tư liệu chung của văn học trung đại đã được văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII sử dụng linh hoạt cho nhiều mục đích khác nhau, không những biểu hiện sự uyên thâm của tác giả mà còn cho thấy khả năng biểu đạt hữu hiệu. Hiện tượng đan xen tự nhiên hình thức văn vần trong loại hình tự sự văn xuôi trở thành "thương hiệu độc quyền" của tự sự giai đoạn này. Giọng điệu như một sự biểu lộ tình cảm, thái độ nhà văn trước những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Cho nên, khẳng định, ngợi ca; phê phán, mỉa mai hay ưu tư, trăn trở đều là những "cửa sổ tâm hồn" giúp người đọc có thể tri âm nhiều hơn với người xưa. Sự phong phú của thế giới hình tượng nhân vật cũng như hình tượng không gian và thời gian nghệ thuật cho thấy khả năng bao quát hiện thực đời sống và kỹ thuật kể chuyện đã được nâng lên một tầm cao mới. Nếu trong nội dung tư tưởng không tránh

khỏi những tiêu cực, hạn chế do thời đại quy định, thì phần phương thức biểu hiện đã kết tinh một cách hoàn hảo thành tựu đặc trưng của thể loại.

2. Xét đặc điểm của một bộ phận văn học có muôn vàn hướng tiếp cận khác nhau. Đặt trong nền tảng văn hóa, tư tưởng thời đại và tiến trình chung của tự sự trung đại nước nhà, cũng chỉ phác họa một cách bao quát phần nào diện mạo văn xuôi tự sự thế kỷ XV - XVII. Khảo sát thể giới hình tượng nhân vật, ngôn ngữ và giọng điệu, không gian và thời gian nghệ thuật để lý giải cho những tư tưởng nghệ thuật ở các tác phẩm, vừa có thể đi sâu vào từng trường hợp cụ thể, vừa khái quát được những quy luật chung, cũng là hướng nghiên cứu khả thi. Dĩ nhiên đó là những khái quát mang tính tương đối như những xu hướng chung nhất chứ không phải phải tuyệt đối cho tất cả các truyện. Việc phân tích các ngữ liệu minh họa cũng chỉ lựa chọn những ví dụ tiêu biểu mà chưa có điều kiện khảo sát toàn bộ. Mặt khác, trong giới hạn nhất định của đề tài, còn nhiều vấn đề khác khá quan trọng chưa được trình bày, như nghệ thuật trần thuật, vai trò người kể chuyện, kết cấu văn bản, mô hình cốt truyện, ngôn ngữ lời thoại, các mô típ,...

3. Văn xuôi tự sự trung đại giai đoạn thế kỷ XV - XVII là thành quả lao động nghệ thuật đáng tự hào của ông cha ta. Tiềm năng giá trị của nó chắc chắn còn ẩn sâu trong những tầng vĩa trầm tích đang chờ đợi sự khám phá của nhiều thế hệ tiếp theo. Lý luận hiện đại cung cấp cho người nghiên cứu thêm nhiều công cụ hữu hiệu để có thể tiếp cận vốn di sản văn học dân tộc từ nhiều góc độ, phương pháp khác nhau. Thiết nghĩ tìm hiểu sâu hơn các đặc điểm của văn xuôi tự sự thời kỳ này từ góc nhìn văn hóa, trong đó tín ngưỡng dân gian và tư tưởng tam giáo là chìa khóa hi vọng hé mở nhiều khoảng trời thú vị.